

SÁCH HỒNG

SỐ 38

DEPT. LEGAL
• INDOCHINE •

N^o 30060



THẦY ĐỘI NHẤT

160 Trboch
Piese 966

của KHÁI HƯNG

ĐỜI NAY





THẦY ĐỘI NHẬT

Hôm ấy trời vừa rạng đông, vệ Bốn họ Lê đã vác chài lưới lội qua bãi lầy trồng còi ven sông Hóa để xuống thuyền nan đi đánh cá. (Người ta gọi Bốn là bác vệ Bốn vì Bốn có đi lính mấy năm.)

Bảy giờ nước thủy triều đã xuống hết đà, và cửa biển Thái-bình có sông Hóa chảy vào đã trở nên một bãi lầy rộng mênh mông. Đây đó rải rác nổi những ruộng còi lấm bùn rạt rào trong gió sớm. Đứng trên đê sông Hóa trông ra, biển cả chỉ còn là một vạch nước, xa xa lấp loáng trong sương mù dương tan dưới ánh mặt trời mới mọc. Từ ngoài khơi bay vào một đàn ngỗng theo hình chữ nhân. Yên lặng vang lên những tiếng kêu quang quác. Đàn ngỗng hạ thấp xuống, liệng hàng chục hàng trăm

vòng chung quang bãi. Rồi lúc sát mặt còi và sắp sửa đậu, lại kêu rống và hoảng hốt cất cánh bay lên không như ngờ vực một điều gì, đoán thấy một vật gì ẩn núp đâu đó.

Bốn đứng trong thuyền dăm dăm ngấm bầy vật quen thuộc, như nhăm đếm. Rồi chú cúi xuống vừa sửa soạn mái chèo, vừa mỉm cười lẫn thầm nói một mình: « Sao mà chúng nó nhát đến thế được. Không biết chúng nó sợ cái gì mà cứ cuống cuống lên thế ! » Buộc lại nút chèo ở cọc chèo xong, chú ngừng lên... Bỗng chú ngậy người nhìn... Trong sương mù vừa yên lặng hiện ra một chiếc tam bản với một người đứng dằng lái đương khó nhọc chèo ngược nước. Thuyền lại gần. Bốn nhận thấy người chèo thuyền không phải là một chú lái tầm thường, vì người ấy vẻ mặt khôi ngô, trán rộng, mặt sáng, y phục lại tao nhã quá, khăn nhiễu áo lương và quần lụa bạch. Người ấy giơ tay trở lên ngồi chùa trên bờ sông nghiêm nhiên hỏi Bốn :

— Chùa ni là chùa mô, chú chài ?

Bốn giật mình kinh hãi. Giọng người mới đến thực hết giọng thầy đội nhất của chú năm xưa. Thầy cũng quê đường trong như người này. Bất giác chú hoảng hốt vái chào :

— Lạy thầy ạ !

Người mới đến mỉm cười hỏi lại :

— Chú biết tôi ?

Bốn ngơ ngác :

— Con tưởng thầy là thầy đội nhất.

Người lạ vẫn mỉm cười đáp :

— Chính tôi là một thầy đội Nhất

Muốn hiểu sao Bốn lại kinh hoàng như thế, tất phải biết qua chế độ binh lính nước ta ngày xưa. Ngày xưa, dưới quyền chúa Trịnh, quân chia ra từng sư, sư chia ra từng đoàn, từng dinh. Rồi đến đội, đến ngũ. Đội gồm có nhiều ngũ. Đứng đầu là một viên đội trưởng. Nhà nước không mộ binh lính, chỉ căn cứ vào tờ khai của các lý trưởng mà bắt lính trong những gia đình đa đình — nhà ba anh em trai, phải một người tòng ngũ. Rồi giao cho các viên đội trưởng một món nguyệt bổng và một số ruộng trích ở công điền, hay một tân ấp nào đó. Viên đội ấy nhận ở dưới quyền mình một số lính nhất định, và cùng bọn họ sống như một đại gia đình. Thời hòa bình, cùng nhau cấy lấy ruộng, trữ lấy thóc. Thời chiến tranh, viên đội phát tiền phát gạo cho lính của mình. Bọn này phần nhiều là những đàn em kém về trong làng, bị lý trưởng ghi tên vào sổ binh dịch vì không có tiền đút lót y. Họ thường không có ý tưởng gì về quốc gia, về việc quốc

phòng, về bốn phận người dân trong công cuộc chống giữ đất nước. Họ chỉ biết trên đầu họ có một người quyền bính to tát không giới hạn, có thể ra lệnh cho họ phải liêu chết, có thể đánh đập họ, khi họ không vâng lời, có thể sai khiến họ bắt họ hầu hạ mình trong những công việc rất xa với việc binh cách, thổi cơm, làm bếp, quét dọn, đập đất, tưới vườn, nghĩa là tất cả các công việc của bọn gia nhân đối với ông chủ. Họ sợ hãi y cũng như đầy tớ sợ hãi chủ, một ông chủ hống hách, nếu không tàn ác, và ngoài y ra họ không biết có ai nữa. Đó là một nguyên nhân của loạn kiêu binh, cuối thời Hậu-Lê. Các viên đội và trên họ, các viên quản, viên lãnh, ra lệnh cho binh lính giết ai là bọn họ răm rắp vâng lời ngay, dù người bị giết là một viên đại tướng — mà họ không biết rằng có. Họ chỉ cho đó là kẻ thù của các thầy đội, chủ họ, những người nuôi sống họ có thể thưởng phạt họ.

Chính vì những lẽ đó mà khi người lạ mặt nhận mình là một thầy đội nhất. Bốn sợ mướt mồ hôi : Khác nào như rết gặp sên vậy. Rết khỏe hơn sên, có thể ăn thịt mềm nhũn của sên, nhưng rết tự nhiên cuộn tròn thân chịu chết, không dám trổng cự lại sên. Vì rằng Sên là Sên mà rết chỉ là Rết. Bốn thân hình vạm



võ, sức lực hơn người, nhưng khi nghe người nhỏ nhẽ, mảnh dẻ kia tự xưng là thầy đội Nhất thì tự nhiên Bốn thấy mình không còn đủ can đảm đứng thẳng thân nữa, vội cúi rạp ngay xuống vái chào, khúm núm.

— Thưa thầy, thầy về đây có việc gì vậy ạ ?
Người lạ đáp :

— Rảnh việc quan ta đi chơi. Chùa ni là chùa mô ? Ta muốn vô nghỉ một lát.

Bốn lại vái thêm một vái và nói :

— Bẩm thầy chùa này là chùa Bến. Nhưng thầy không lên được đâu vì phải lội qua bãi còi bùn lầy này.

Ngâm nghĩ một lát chú lại nói :

— Hay thầy muốn lên thì để con cõng thầy lên.

Buông lời, chú bước xuống nước, đi lại thuyền người lạ, ghé vai đứng chờ. Người kia cũng không ngần ngại, đưa hai cánh tay ra vòng lấy cổ chú chài. Bốn cõng người lạ trên lưng nhẹ nhàng như cõng một đứa trẻ, mau lẹ leo lên mặt đê. Lúc đặt xuống đất, Bốn mới kịp nhận thấy người ấy đi đôi ủng chẵn và ở giây lưng, khuất trong áo dài, có đeo chiếc kiếm ngắn, tra trong vỏ khảm sà cừ. Chú lần lần nghĩ thầm : « Thầy đội nhất này hẳn là giàu lắm. Nhưng sao thầy đi chơi lại không có

linh theo hầu.» Người lạ chừng cũng đoán thấy ý nghĩ ấy trong cặp mắt tò mò của chủ lái, nên nói ngay :

— Bọn linh theo ta sẽ lời sau. Chú hãy đưa ta về chùa... chùa chi?

— Bẩm thầy chùa Bốn. Mời thầy đi, con xiu dẫn đường.

Bốn đưa người lạ xuống đê, đi vòng một thửa ruộng, qua cái cổng gạch thấp vào trong chùa. Sư cụ ra đón tiếp. Đó là một người trạc tứ tuần, thân thể cao lớn, hai mắt thao láo, hàm nở, miệng rộng, chân bước mạnh bạo, tiếng nói oang oang :

— A di đà phật!

Bốn vội tiến lên nói nhỏ với sư cụ mấy câu. Tức thì nhà sư gọi tiểu lấy chiếu mới giải phủ lên chiếc sập ở phòng quan cư và mời khách ngồi. Nhưng khách rất tò mò, muốn đi xem xét ngay các nơi trong chùa. Chàng cùng Bốn lên chùa trên, chui qua gầm bệ thờ Phật, rẽ ra phía sau chùa, leo lên gác chuông. Chàng lấy làm lạ rằng khác hẳn với các chùa chiền trong nước, ở đây gác chuông lại ở vườn sau, liền với «hậu cung» thờ Phật. Chàng ngổ ý ấy với Bốn thì Bốn kể rằng :

— Thưa thầy, vùng này thường không được yên, bị giặc bề quấy nhiễu luôn. Chúng nó đi

những thuyền bông to tướng ở ngoài khơi tạt vào. Đó là giặc Tàu hay một đôi khi giặc Cát-bà. Chúng nó đi đến đâu là đốt nhà vét của, chém giết lương dân, hiếp chóc phụ nữ đến đấy. Dân khắp vùng không có cách nào chống cự nổi, nên hễ thấy giặc sắp đến là họ chạy, mang theo được thứ gì thì mang, không thì để lại cho chúng cướp phá, chỉ cốt chạy thoát lấy người. Vì thế mà mấy làng chung vốn góp sức dựng lên ngôi chùa này, và cũng vì thế mà gác chuông chùa này không ở phía tam quan, lại ở sau hậu cung, nghĩa là ở phía gần làng mạc. Gần được hơn tí nào hay tí ấy, phải không thưa thầy. Có tiếng chuông báo động là dân gian nghe thấy liền mà bỏ chạy cho kịp. Đây này, thầy trông xem; đứng đây xây về phía các làng, không một xóm nào khuất cả, tiếng chuông không bị vướng vấp vào một vật gì cao. Trên gác chuông, ngày đêm lúc nào cũng có một chú tiểu đứng canh. Hễ ban ngày trông thấy thuyền bông ở biển sấn vào, hễ ban đêm không giăng nghe thấy tiếng sóng vỗ ầm ầm vào mạn thuyền, là thỉnh một hồi chuông dống dả. Tức thì về phía dân cư tiếng kêu hò « có giặc » dậy lên, ngoài đồng giai gái, già trẻ chạy ùa cả lên phía ngược, ào ào như nước vỡ đê. Thỉnh xong hồi chuông rồi chú tiểu

cũng chạy nốt, chạy với tất cả các sư các tiểu trong chùa. Nhưng thỉnh thoảng cũng có một vị sư cụ đao để chống lại được cướp. Con thấy các cụ kể rằng một hồi có một vị sư giỏi võ tu ở đây.. Ngài uống rượu như tinh, đánh bạc như quẻ, chén cả thịt cây...

Người khách lạ mỉm cười nói :

— Thực là Lỗ-trí-Thâm tái thế.

Bốn không biết Lỗ-trí-Thâm là ai, cũng đáp liêu : « Vâng, thưa chính thế. » Rồi kể tiếp :

— Thưa thầy, dân gian các vùng này đều ghét vị sư ấy, cũng đều sợ ngài, nhất ngoài sức khỏe lạ lùng, ngài lại có pháp thuật cao cường nữa. Nhưng từ ngày ngài trị được bọn cướp phải khiếp đảm thì ai nấy đều tôn ngài lên bậc ân-sư, ngài muốn thức gì là có ngay thức ấy đem đến cúng kể cả món thịt cây.

« Lần ấy bọn giặc Tàu kéo đến hơn chục thuyền bồng, trên mỗi chiếc có tới hơn hai chục quân cướp, khí giới đầy đủ. Chúng nó đến vào giữa đêm. Lén mặt đê, chúng bật hồng sáng rực một góc giới, rồi kéo vào các làng cướp phá. Trong khi ấy thì sư cụ đã cho thỉnh xong hồi chuông báo động và đã xuống ẩn dưới hầm kín xây ngầm dưới gác chuông này, ấy ạ. Chờ cho im lặng sư cụ cùng bọn sư ông, sư bác, và các chú tiểu mới ở nơi ẩn núp

mò ra, lên lên mặt để xem xét tình hình. Lúc bấy giờ ngọn lửa đuốc của giặc đã xa lắm, nhấp nhô như lũ ma trời trong đồng lúa. Tiếng kêu tiếng gọi mỗi lúc một thêm nhỏ. Về phía dưới sông thì mười hai chiếc thuyền bông xếp hàng nằm quay mũi vào bờ, lái xòe ra như hình nan quạt. Sư cụ thì thầm ra lệnh cho một chú tiểu cỡi quần áo lặn xuống sông lại gần dãy thuyền thám thính. Một lát sau chú tiểu trở về bạch với sư cụ rằng có năm sáu tên giặc ở lại canh thuyền, nhưng đều ngủ say cả. Thì ra, thưa thầy, chúng nó đã quen với cái tính hèn nhát của dân vùng này lắm rồi. Chúng nó chắc mẫm rằng chẳng ai dám bén mảng đến gần thuyền chúng nó, đến gần vì tò mò thôi, chứ đừng nói để đánh vội. Vì thế trong khi mệt mỏi, chúng nó bình tĩnh ngủ một giấc ngon lành cho sướng mắt, chờ chốc nữa bọn đồng đảng khuôn vác của cải về thuyền để được khỏe khoắn mà chèo mà nự (1). Chúng nó cũng đã cẩn thận để lại một tên đứng canh trên mũi. Nhưng chỉ một lát sau, tên ấy cũng ngủ khi ra nốt. »

(1) Nự, một lối chèo thuyền bền của người Tàu, mái chèo qua lại đi ngang trong nước. Người Tàu gọi là hoa, ta gọi là nự.



Người khách cười và như nói một mình :

— Ấy đó ! tự tin quá, cậy ở sức mình quá thì bao giờ cũng sinh ra bất cần.

Và Bốn thấy người ấy lấy ở túi ra một vật dài như chiếc đũa và húy hoáy ghi mấy giòng chữ vào một mảnh giấy. Chú tò mò ghé mắt nhìn thì lạ chưa ! cái đũa nhọn viết thành chữ đen. Chú hỏi :

— Bầm, cái bút gì mà lạ thế, thưa thầy ?

— Đó là cái bút chì của người phương tây đem lại cho ta.

Bốn chẳng hiểu gì hết, nhưng sợ hãi không dám hỏi thêm nữa, người khách lạ như kể tiếp câu chuyện của Bốn :

— Thế rồi bọn sư lên lên thuyền trôi giặc lại. . . Phải không chú chài ?

— Bầm thầy, không, họ không trôi, họ giết sạch, chẳng để sót lại một mống nào. Giết toàn bằng dao nhọn mà sư cụ đã thừa sẵn.

Người khách lạ mỉm cười nói :

— Mô phật ! Sư cụ hẳn đưa bọn họ lên Nát-Bàn.

— Thưa thầy, đó là sự bất đắc dĩ mà cũng là một cách giả thủ cho nhiều vị sư trước đã bị quân giặc bề giết hại. Các nhà sư bị giết nhiều quá đến nỗi chùa này đã một đạo bỏ hoang không ai dám đến trụ trì nữa. Rồi mãi

sau mới có vị sư cụ nghĩa hiệp ấy về tu hành. Cụ mộ toàn những tay ăn sương ở vùng này vào làm tiều. Vì thế mà chuyển ấy cụ thành công. Thừa thầy, vì phải thạo nghề mới cầm nổi con dao nhọn mà đâm vào cổ quân cướp được. Các sư tiều thường chỉ quen tụng kinh niệm Phật thì trời con gà không nổi còn giết được ai! Thực vậy, ngày con mới ra lính, chỉ cầm thanh mã tấu đã rùng rợn cả người. Thế mà ba tháng sau, con chém .. chuối đã đứt soèn soẹt.

Người kia lại mỉm cười :

— Tưởng chú chém giặc.

— Thừa thầy, con chưa đánh một trận nào. Nhưng chém chuối cũng đã thấy khó rồi. Gặp giặc chỉ việc coi giặc như cây chuối là chém được đứt cổ liền.

— Phải, có lẽ cũng rứa. Nhưng về sau bọn giặc biển không báo thù ?

— Thừa thầy, giết xong bọn giữ thuyền, sư cụ liền phóng hỏa đốt hết cả mười hai chiếc thuyền bông. Ngọn lửa bốc lên ngùn ngụt, khiến quân giặc trông thấy biết có biến phải quay gở lại. Thành thử chúng nó chưa cướp bóc, tàn phá được mấy may. Trong khi ấy thì sư cụ đã cùng môn đồ tắt đường chạy thẳng lên huyện báo quan đem binh lính về. Giặc

mất hết thuyền không trốn ra khơi được, cứ lẫn quất ở quanh vùng, rồi mấy hôm sau dần dần bị bắt ráo, chẳng thoát một mống. Từ đó chẳng hiểu sao mấy làng chúng con không bị cướp chóc nữa.

Người khách lạ ngắt lời hỏi :

— Giặc chúng nó sợ không dám về ?

— Bẩm chúng nó vẫn về, nhưng chỉ tới những vùng khác mà trừ hấn vùng chúng con ra. Chừng chúng nó nề phục sự cụ, biết phép sự cụ rồi. Người ta còn đồn rằng thường thường chúng nó vẫn đem quà cáp hậu hĩ đến dâng sự cụ nữa, chả rõ có thực không. Chỉ biết rằng về sau những vị sự kế tiếp thay sự cụ đều là những người võ nghệ cao cường và đều giữ cho vùng chúng con được yên ổn.

Người kia thở dài nói :

— Trị an là công việc của triều đình, thế mà lại ở trong tay bọn tu hành ư ?... Sau này ta sẽ không dễ như rửa được.

Bốn ngư ngác nhìn người khách lạ, không hiểu sao người ấy lại thốt ra một câu nói lạ lùng như thế. Giữa lúc đó hơn chục chiếc thuyền bỗng từ khơi giẽ vào sông Hòa. Bốn trở mặt há miệng đứng lặng hồi lâu. Rồi hoảng hốt bảo người khách lạ : « Giặc ! Chết cả rồi ! Giặc ! » Chú vớ lấy dùi chông nhưng bị người

kia cản lại liền :

— Đứng thỉnh chuông ! Đề mặc ta xử trí.

Bốn càng kinh ngạc, mắt mở càng to, miệng há càng rộng. Chú không hiểu. Người khách diu chú xuống gác chuông đề ra đề.

Lên tới đề, Bốn đã thấy dây thuyền đậu thành hàng ở ngoài bãi cỗi, và theo sau một người mặc áo văn kiến đỏ thêu kim tuyến một bọn áo nâu nài nịt gọn gàng, vác gươm vác đao vác cung kéo ủa lên bộ. Chú kinh hãi sốc vội người khách lạ lên vai, rồi cồng chạy tuột xuống đồng. Bọn quân lính đuổi theo, nhưng khó lòng đuổi kịp, vì Bốn chạy nhanh như gió. Mãi lúc người lạ bảo chàng : « Không sợ, đó là binh lính của ta », chàng mới dừng lại đề ngạc nhiên thấy bọn theo sau lay phục cả xuống đất. Người lạ giơ tay gạt và ra hiệu bảo đứng dậy. Rồi ra lệnh cho Bốn :

— Bây giờ chú lại cồng ta về ghe, nghe !

Lên thuyền người ấy hỏi tên họ quê quán Bốn, và truyền một người trong bọn tùy tùng ghi chép vào một quyển bạ. Đoạn chàng nói :

— Chú Bốn họ Lê, ngày sau nếu ta làm nên thì ta sẽ cất nhắc chú lên quyền cao chức trọng. Vậy chú ưng chức chi ?

Bốn ngẫm nghĩ, tưởng đến cái cái oai quyền mà chú cho là vô hạn của các thầy đội nhất,

liền đáp :

— Thừa thầy, con chỉ thích làm thầy đội, nhất.

Người khách mỉm cười :

— Chú không muốn làm to hơn ? Làm quan trong triều chẳng hạn ?

— Không, con chỉ thích làm thầy đội nhất.

Người kia vẫn mỉm cười, nói :

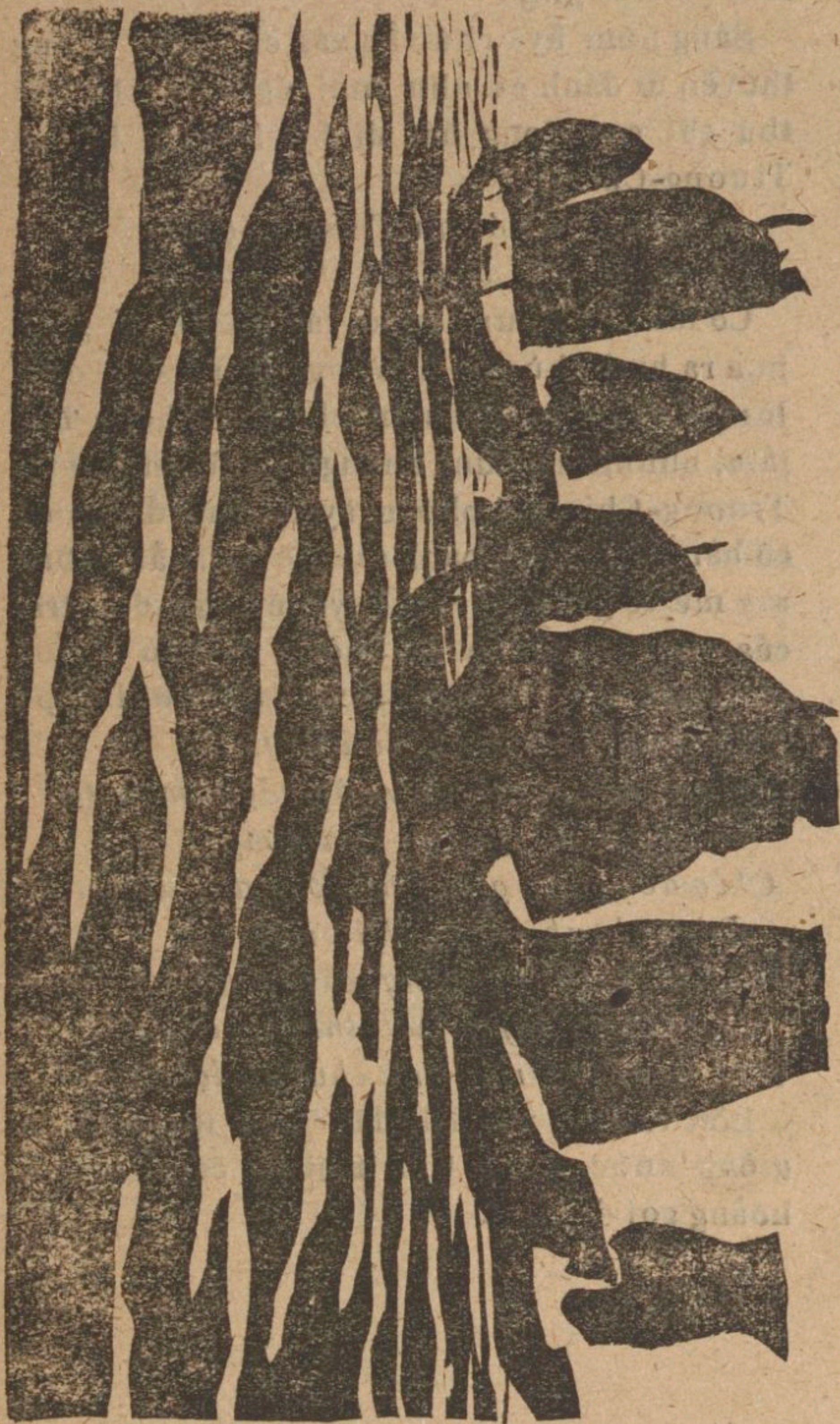
— Rứa thì được ! Chú sẽ làm thầy đội nhất.

Hai bên từ giã nhau. Trạng thuyền bỗng chạy khuất ra khơi, và Bốn trở về chiếc thuyền nan đánh cá của mình.

...

Năm năm sau. Chúa Nguyễn đã diệt dứt nhà Tây-sơn và lên ngôi Hoàng-Đế thống nhất nước Việt-Nam. Trong Nam, ngoài Bắc đâu đây đã bình định, dân cư đã bắt đầu an cư lạc nghiệp.

Nhưng chủ vệ Bốn họ Lê vẫn sống cái đời riêng của chú như xưa, đời một dân chài lưới. Chú không thấy có gì thay đổi, ngoài những sự thay đổi tự nhiên : sinh thêm hai đứa con, một trai, một gái. Tuy làng đã có mở hội trong vài ngày để mừng thánh chúa mới ra đời, chú cũng chỉ để ý tới những cuộc vui, chèo hát,



múa rồi, leo giây.

Sáng hôm ấy, chú vẫn vác chài lưới xuống thuyền đi đánh cá như mọi ngày và chú vui thú cất cao giọng hát đi hát lại mãi bài về Trương-Chi :

Ngày xưa có anh Trương-Chi

Người thì rất xấu hát thì rất hay.

Có lần chú ngừng lại ở cầu ấy để cổ phác họa ra hình thù anh Trương-Chi mà chú đem lòng thương hại. Chú thì chú hát không hay lắm, nhưng chú cũng không xấu lắm như anh Trương-Chi. Chú nhớ ngày đi lính đã nhiều cô hàng quà, hàng bánh say mê chú, hẳn không say mê về giọng hát mà say mê về vẻ đẹp trai của chú. Cố nhiên đó không phải là những con quan thừa tướng. Và chú mỉm cười tiếp :

My-nương ở chôn lâu tây,

Con quan thừa tướng ngày rầy cầm cung,

Trương-Chi vốn ở ven sông

Chèo dò ngang giọc đêm đông dãi dẫu. . .

Đêm thanh chàng hát một câu

Gió đưa thoang thoảng tới lầu My-nương.

My-nương nghe hát thì thương,

Hồ trông thấy mặt anh chường lại chề.

Bốn vừa hát vừa bắt đầu chèo thuyền xuôi giòng nước. Bỗng trên mặt đê có tiếng hốt hoảng gọi dụt lại :

— Bác vệ Bốn !

Chủ ngừng chèo, hỏi :

— Gọi tôi à ?

Người kia vừa thở hồn hèn vừa nói :

— Phải... Ông lý... cho mời bác... ra đình, có việc quan.

Bốn giật mình, hỏi lại :

— Ra đình ? Có việc quan ?

Chú không hiểu là việc gì, nhưng chú đoán chắc chắc là một việc dữ. Lâu nay chú không dính dáng vào một việc gì trong làng trong xóm, chỉ nhàn nhà làm cái nghề chài lưới của mình. Và tuy có được chút thứ vị sau khi mần lính, chú vẫn không hề ra đình bao giờ. Chú mong người ta để chú yên thân, và chú vẫn được như lòng ước nguyện. Sao bây giờ ông lý lại gọi chú ra đình, mà lại ra đình có việc quan. Chú băn khoăn nghĩ ngợi và hỏi thêm :

— Quan có trát đòi tôi, phải không ?

— Tôi không biết. Ông lý sai tôi đến ngay đặng bác để mời bác chốc nữa ra đình, vì biết bác đi nghề sớm lắm. Đến nhà thì bác đã ra bến rồi. Tôi phải học tốc chạy ra đây.

Bốn ngẩn ngại áp thuyền vào bờ, cầm sào. Và buồn phiền lo lắng nói lầm bầm : « Có việc quan ! Quái ! Không biết việc gì thế này ? » Rồi liền hỏi người đến tìm mình :

— Thế tôi đi nghe, trưa về ra đình có được không ?

Chú lờ mờ nghĩ đến bỏ trốn.

— Ồ ! Không được. Làng sắp họp rồi mà !

— Sắp họp ? Nhưng mọi khi làng họp thì có cần mời tôi đâu ?

— Thì bác cứ ra đình xem sao nào ! Ông lý khẩn khoản cho mời bác, thì tất nhiên là phải cần có mặt bác ở đình chứ.

Bốn đã vắt chài lưới, lên con sào, vác vai, rời thuyền bước lên mặt đê. Chú còn hỏi thêm một câu :

— Thế anh có biết mang máng là việc gì không ?

— Nghe đâu có việc đón quan.

Bốn thấy bốt lo :

— Đón quan ? Chỉ có việc đón quan thôi ? Nhưng sao đón quan lại cần đến tôi ?.. Hay...

Chú lại ngơm ngớp sợ !

— Hay quan về bắt tôi ra lính khóa nữa ?

— Không, chắc không phải thế. Bác đừng ngại.

Về tới nhà, Bốn đi sửa soạn liền, tuy còn sớm lắm. Chính chú cũng đã nghe tiếng mõ rao mời quan viên, đúng buổi trưa ra đình họp việc làng.

Chú mặc trùm ra ngoài quần nâu cái quần

vải trắng, và phủ ra ngoài cái áo cánh nhuộm
vỏ sò một chiếc áo lương bạc màu, quần rồi
lên đầu mấy vòng khăn nhiễu tam giang đã cũ
và sỏ chân vào đôi giày da lộn đề lâu không
dùng đã mốc trắng. Thím v ngắm nghía chú,
và quên cả nỗi lòng lo sợ, mỉm cười gật gù
khen :

— Trông thầy mày ra phết lắm !

Chú thì chú không cười được nữa. Chú chỉ
mong cho chóng ra đình để biết đích xem có
việc gì liên can đến chú.

Nhưng khi ra đến đình, chú vẫn chẳng biết
gì hơn. Người ta đọc và giảng cho chú hay
rằng sáng mai quan đầu tỉnh và các quan
phủ huyện sẽ về đình làng tuyên một bản
chiếu chỉ của đức Đại-Nam Hoàng-Đế. Tờ sức
có nói thêm rằng thân hào kỳ lý, trong số đó
phải có mặt vệ binh Lê-văn-Bốn, sẽ bày hương
án ở đình để bái tiếp chiếu chỉ. Bốn không
hiểu chiếu chỉ là gì, nhưng lấy làm lạ một
điều, là sao trong tờ sức chỉ nói rõ có một tên
mình.

Chú bản khoản đem ý nghĩ ấy ra bàn với
hàng xóm, láng giềng thì ai ai cũng có ác tâm
dọa dẫm chú. Họ đều nói phen này có khi chú
sẽ mất đầu, hay ít nhất cũng bị bắt đi thú
Cao-băng, Lạng-sơn chi đó. Việc sắp xảy ra cho

chú chỉ có thể là việc dở, chứ còn là việc hay sao được. Vì chú đã làm nên công cán gì mà bảo rằng triều đình về ban thưởng cho chú. Có người hỏi chú :

— Vậy trong thời đi lính, bác vệ có làm nên công trạng gì không ?

Bốn còn đương ngẫm nghĩ cố nhớ lại, thì một người khác đã nói tiếp :

— Công trạng mà làm gì ? Bác đi lính là đi lính với triều trước, triều này là triều vua khác cơ mà.

Bốn chẳng hiểu triều nào với triều nào, càng thấy câu chuyện trở nên rối ren khó chịu.

Suốt đêm hôm ấy Bốn động chợp mắt là giật mình thức dậy. Vì chú luôn luôn mơ thấy mình bị trói, bị gông, bị giải ra pháp trường. Vợ chú thấy chú chốc chốc lại thở dài hay kêu khổ thì cố tìm lời an ủi chú :

— Thầy nó cứ yên tâm : mình chẳng làm gì nên tội thì chẳng ai làm gì mình.

Chú gắt :

— Thế sao trong tờ sức lại có riêng một tên tao ?

— Có tên thì đã sao ?.. Có tên thì dễ là có tội ư ?

Lời giải của thím vệ làm cho chồng bứt lo đôi chút.



— Vả lại nhiều khi trùng tên trùng họ chứ : biết đâu Lê-văn-Bốn ấy lại không là Lê-văn Bốn khác.

— Ủ, biết đâu nhỉ, bu mày nhỉ ?

Bốn thấy vững dạ, ngồi dậy hút diều thuốc lão. Rồi chú thở khói, suy nghĩ : « Nhưng mà làng mình làm gì có hai Lê-văn-Bốn. Nói rõ Lê-văn-Bốn làng này thì đích là mình rồi ! » Và chú run lên bần bật bảo vợ :

— Đích tao rồi, bu mày ạ... Hay trốn ?

Chú trưởng đến những bãi cói rậm rạp mênh mông : « Đương đêm đánh thuyền vào ăn ở đó thì có thánh tìm thấy ! »

— Ủ, phải đấy, bu mày ạ, hay tao đi trốn ?

— Thầy mày rõ lẫn thần ! Việc gì mà trốn ? Đến biết có tội cũng chả nên trốn, vì tội càng nặng thêm, nữa mình chắc chắn rằng mình xưa nay chỉ lương thiện làm ăn thì ai người ta làm tội mình cơ chứ !

— Biết đâu đấy !

Bốn trả lời vắn tắt và nghĩ đến những chuyện thù hằn, tố cáo, chiêu xung. « Biết đâu lại không có đứa nó tố cáo man rằng mình làm giặc. » Những chuyện giặc Tàu, giặc Cát bà cướp phá dân gian lại lớn vồn trong óc chú. Chỉ một thằng cướp ấy nó khai man tên chú ra là chú đủ tù một gông, mất đầu cũng

chưa biết chừng. Chú cố nhớ ngược mãi lên thời quá khứ. Phải, một lần đã lâu lắm, hình như chú có kể với một người khách lạ rằng sự cù chũa Bến lập mưu giết chết sáu tên giặc canh thuyền...

— Dích rồi, bu mày ạ. Rõ tao đi và mồm và miệng.

Thím vệ cũng đâm lo, thông thả hỏi lại:

— Minh và mồm và miệng bao giờ?

— Đã lâu. Nhưng dích rồi!

Và chú thuật qua câu chuyện cho vợ nghe.

Thím vệ bật cười bảo chú:

— Kể câu chuyện ấy thì tội tình gì. Không mình nghe thôi, mình cứ vững tâm.

Chú cũng nghe lời vợ cố vững tâm ngồi hút vật thuốc lão cho đến sáng.

..

Sáng hôm ấy, chú chẳng com nước gì, đánh bộ y phục hôm trước thất thểu đi ra đình. Ai gặp chú, cũng kinh ngạc bảo cho chú biết rằng chú già đi đến mười tuổi. Mà chú già đi thực. Mắt sâu hoắm vào, má hóp hẳn xuống, râu ria phờ cả ra. Nhưng bây giờ, chú không băn khoăn lo lắng nữa, Chú đã đánh phục tòng số phận rồi. Dù

xảy ra sự gì, chú cũng cam chịu, tù tội thì tù tội, mất đầu thì mất đầu, chú còn biết làm thế nào ! Tiếng cờ bay phần phật, tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng đàn bà trẻ con reo mừng, lũ lượt ngoài đường như đi xem hội. Chú không lưu ý đến gì hết : chú như cái xác không hồn từ dẫn đến một nơi đình mệnh.

Ra đình, chú thấy ở gian giữa một cái hương án khoi trầm nghi ngút. Hai bên, tàn, quạt, bát bửu bày ra hai hàng. Trước án, chiếu hoa giải giọc ra sân, tới tận cổng đình. Thân hào kỳ lý đã đông đủ cả. Họ đương bàn tán về chú, chú chắc thế, vì ngoài chú ra, người ta còn bàn tán đến một ai, đến một việc gì khác nữa ?

Bỗng tiếng loa thét lên ở đầu làng : « Quan đã về tới nơi ! » Bốn thân hào kỳ lý sừng sình trong áo thụng lam, đầu đội mũ tế, chân đi hia rộng, lục tục theo nhau ra đón. Vệ Bốn chân tay bủn rủn, vịn chặt lấy cột đình, và nhờ lúc lộn xộn, đứng ý ở đó. Vả cũng không ai lưu ý đến chú, và người ta đã quên bằng sự kỳ dị có tên chú trong tờ sức của quan hôm trước.

Tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng nhạc bát âm một lúc một gần. Rồi vồng các quan tiến vào sân đình. Hai tên lính mặc áo nậu bùng một hòm sắc và một hòm trao phục đặt lên một cái



án thư kê trước hương án.

Các quan bước vào chiếu lạy tám lạy, tung hô : « Thánh hoàng vạn tuế, vạn vạn tuế. » rồi truyền cho gọi Lê-văn-Bổn vào quỳ trước án.

Bổn không còn hồn vía nào nữa, sợ hãi làm theo lời các quan như cô dâu theo lời họ hàng vào lạy trước ban thờ nhà chồng vậy.

Một ông quan, hai tay cầm một tờ giấy vàng rộng mở ra. Bổn thấy có đầy những dấu ấn son đỏ chót hình vuông. Ông quan đồng đọc những câu chữ nho, cuối cùng có hai tiếng Khâm-tai. Bổn chẳng hiểu lấy một chữ. Người ta bảo Bổn lạy tám lạy và tung hô : Thánh Hoàng vạn tuế. Thì Bổn cũng làm theo và cùng bắt chước các quan nói : « Thánh Hoàng vạn tuế, vạn vạn tuế. » Chừng ông quan vừa tuyên sắc đoán biết rằng Bổn chưa hiểu gì hết, nên ngài giảng nghĩa :

« Trong khi Hoàng-hương còn gian truân Lê-văn-Bổn đã tỏ ra là một tôi trung thành can đảm và đặc lực, nên nay lên ngôi báu vàng mệnh Trời thống trị muôn dân. Ngài nhớ đến công phò giá của y, xuống chiếu cho y chức tước Nhất phẩm đội trưởng, và cấp cho y năm mươi mẫu công điền giữ làm tư sản. Y sẽ dự bàn với các quan bản hạt về các việc trị an hàng tỉnh, và thang tháng theo phẩm trật đến

chầu lay Thánh-hoàng tại vọng cung tỉnh lý.»

Đoạn m ở hòm trảo phục lấy mũ áo, xiêm, hia đưa cho Bốn và truyền Bốn đóng vào Bốn vẫn chưa hiểu rõ sự tình, nhưng biết chắc rằng không phải là một tin dữ nữa, hơn hờ đi vào buồng giải võ và loay hoay mãi với bọn kỳ lý mới làm xong cái công việc khó khăn. Mọi người còn mãi kinh ngạc không ai kịp hỏi Bốn hay mừng Bốn một câu.

Một lát sau, Bốn rục rỏ trong phẩm phục mới bước ra. Các quan vái chào. Bốn sung sướng vái lại. Rồi Bốn theo lời vào trước án lay tám lay nữa, tung hô « vạn tuế » một lần nữa.

Thế là lễ tất.

Quan tổng-độc vui cười bảo Bốn :

— Từ nay quan lớn là bạn đồng liêu, là bạn đồng thành với chúng tôi rồi đó.

Bốn chẳng hiểu đồng liêu, đồng thành là gì, cũng « gia » một tiếng se sẽ.

Quan tuần phủ hỏi dò Bốn :

— Chẳng hay quan lớn theo giúp Hoàng thượng vào dịp nào ?

Bốn hơi lúng túng, ngập ngừng đáp :

— Bẩm quan lớn, chúng tôi công cán có gì đâu,... chẳng qua...

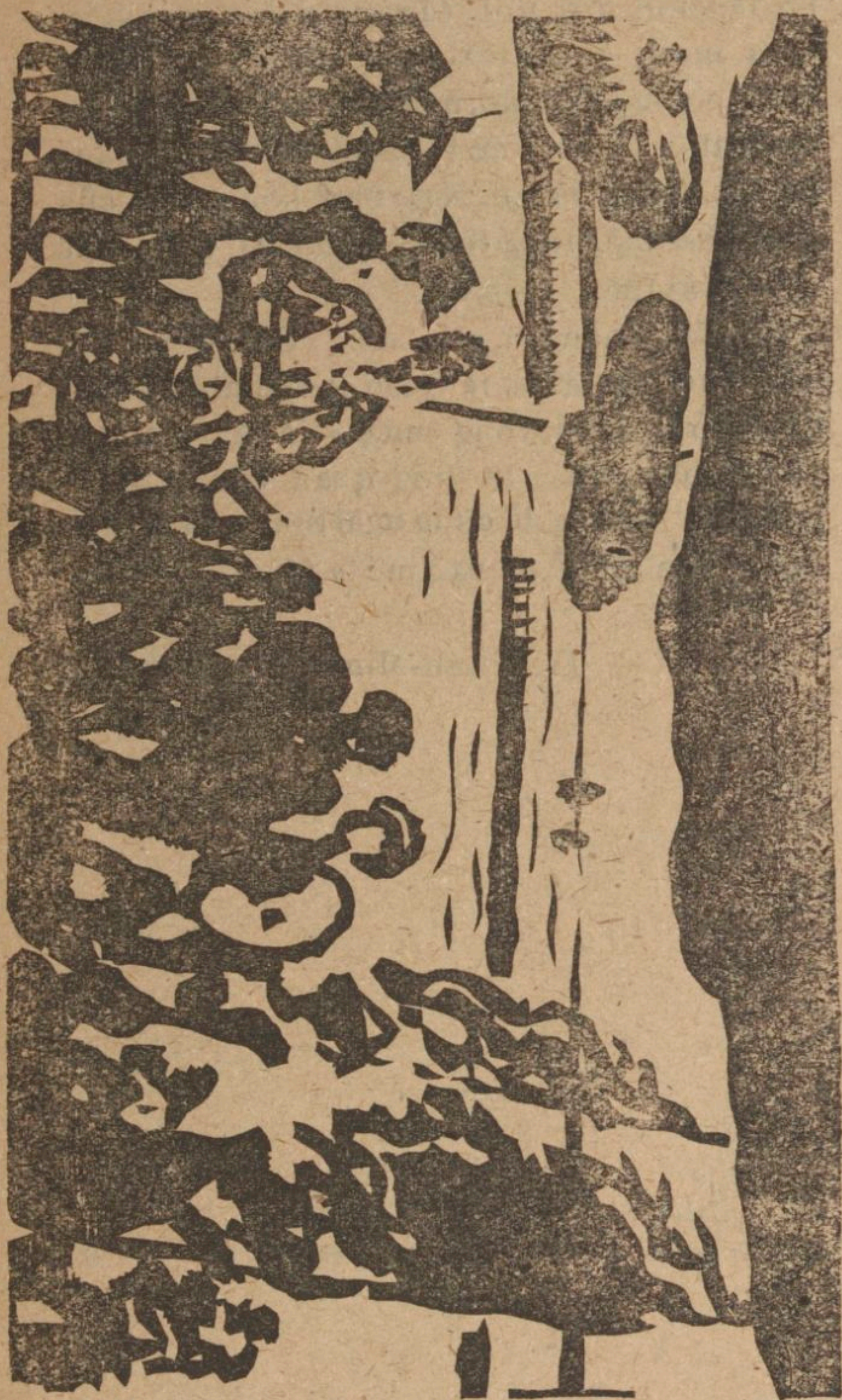
Bốn không biết nói sao cho lộn câu, vì thực rac hú cũng chẳng nhớ rằng mình đã làm

nên công trạng gì. Nhưng ai nấy đều cho là chú nhún mình. Có một điều mà các quan đều lấy làm tức cười nhưng không ai dám nhếch mép, sợ phạm tội bất kính với phẩm tước triều đình, là cái chức lạ lùng « Chánh nhất phẩm đội trưởng » của Bốn.

Bốn thì không thấy tức cười, nhưng vẫn không hiểu. Chỉ lơ mờ nhớ lại rằng có một lần mình ngộ với một người khách lòng ước ao được làm thầy đội nhất. « Hay chính người ấy đã chạy chọt cho mình cái chức này ? » Bốn bỡ ngỡ tự hỏi. Quan chánh nhất phẩm đội trưởng ngày nay có biết đâu rằng người khách lạ năm xưa ấy chính là đức Gia-Long.

Nhưng bắt đầu từ hai ba tháng sau trở đi thì các quan tỉnh Hải-Dương đã hết tức cười, và quan Chánh-nhất-phẩm đội-trưởng của chúng ta có lẽ cũng đã hết bỡ ngỡ.

Vì tháng tháng, cứ ngày mồng một, trong khi các quan tỉnh còn đương yên giấc điệp, thì ba hồi trống lớn ở vọng cung bỗng đồng dục uy nghi đánh thức các ngài dậy. Đó là ba hồi trống của quan Chánh-nhất-phẩm đội-trưởng Bốn họ Lê. Sáng mồng một tháng nào ngài cũng nhớ đến công việc của ngài, Ngài dậy từ đầu canh tư, thổi cơm ăn, rồi xếp mũ áo, xiêm hia vào tay nải nâu, vác vai cuốc

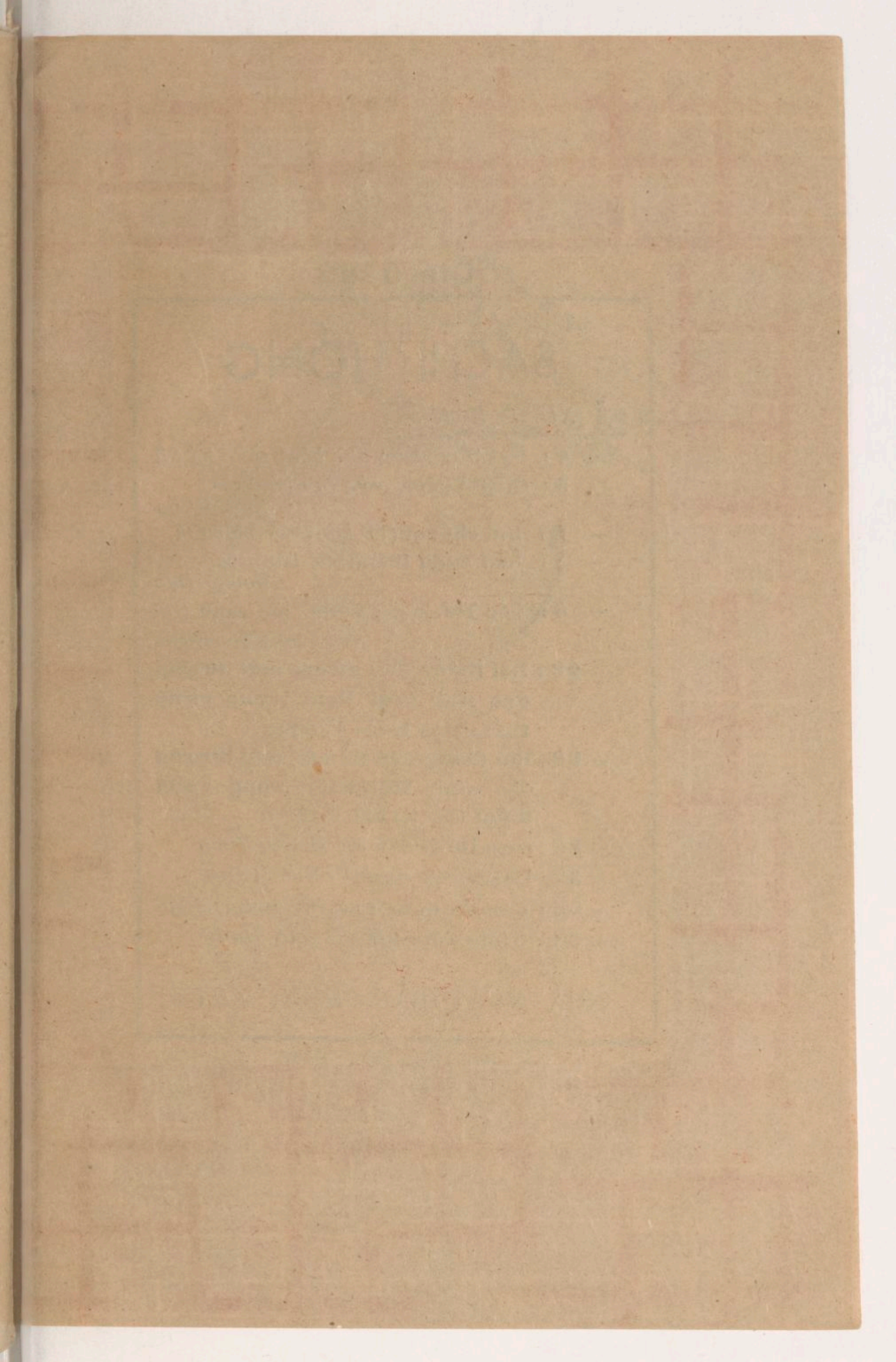


bộ lên tỉnh. Tới tỉnh (đường dài chừng bốn năm mươi dặm) trời mới rạng đông. Ngài đóng phẩm phục vào, ngồi chờ một lúc lâu vẫn chưa thấy ai tới. Tức thì ngài thẳng tay giáng ba hồi trống đề gọi. Ngài cho bốn phận của ngài phải thế, lòng trung quân ái quốc của ngài phải thế.

Vả cũng chẳng ai giận ngài. Các quan chỉ mỉm cười bảo nhau : « Quan chánh nhất phẩm đội trưởng đã tới vọng cung. » Và các quan vui vẻ đến phủ phục sau lưng quan chánh nhất phẩm đội trưởng để cùng ngài tung hô « Thánh hoàng vạn tuế ! vạn vạn tuế ! » (1)

Trại Bình-Minh ngày 29-4-1944

(1) Cái biển sơn then thếp vàng vua ban, có khắc bốn chữ « Chánh nhất phẩm đội trưởng » hiện còn thấy ở nhà thờ họ Lê, trong một làng kia thuộc tỉnh Hải-dương.



Giá 0 \$80

SÁCH HỒNG

ĐÃ XUẤT BẢN :

- Số 4 : Hai thứ khôn (tái bản) của *Thế Lữ*
- 5 : Quyển sách ước (tái bản) của *Khái Hưng*
- 6 : Hai chị em (tái bản) của *Thiên Sĩ*
- 7 : Lên cung trăng (tái bản) của *Hoàng Đạo*
- 8 : Cốc Tía, kịch hai hồi, hai cảnh (tái bản) của *Khái Hưng*
- 28 : Hai tháng đầy đủ của một hương đạo sinh Việt Nam trong rừng thẳm (tập I) của *V. Minh*.
- 29 : Hai tháng đầy đủ của một Hương đạo sinh Việt-Nam trong rừng thẳm (tập II) của *V. Minh*.
- 30 : Đứa bé đi câu của *Huyền Kiêu*
- 31 : Con hươu sao của *Hoàng Đạo*
- 32 : Con chim họa mi của *Hoàng Đạo*
- 33 : Thầy đội nhất của *Khái Hưng*

NHÀ XUẤT BẢN « ĐỜI NAY »

Imp. Ngày-Nay — Hanoi